TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 8 - 2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Tiểu Nhi

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1985, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 253, Quốc lộ 1A, Khóm 2, Phường M, thị xã N, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1967, (vắng mặt);

Địa chỉ: 1014 Cedar Street Pueblo, Colorado 81004, USA (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B quen biết nhau qua sự giới thiệu của người thân, anh chị tìm hiểu nhau được 01 tháng thì tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Bạc Liêu ngày 13/4/2023. Sau khi đăng ký kết hôn, do visa của anh B bị hết hạn nên chị và anh B chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 2 ngày tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 15/4/2023 anh B trở về Hoa Kỳ cho đến nay không qua Việt Nam chung sống với chị A nữa. Từ khi anh B về Hoa Kỳ thì anh chị vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Anh B có làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ nhưng do hồ sơ không đảm bảo nên anh B không thể tiếp tục làm hồ sơ

bảo lãnh cho chị A được. Nay, chị A nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục do vợ chồng mỗi người ở một nơi, không thể quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm phai nhạt nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh B: Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B theo đúng quy định pháp luật. Ngày 29/3/2024, Tòa án nhận được thư của anh B được chuyển đến bàng dịch vụ bưu chính, nội dung anh B trả lời các câu hỏi của Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị A, cụ thể như sau: Anh B và chị A kết hôn năm 2023 tại Ủy ban nhân dân thị xã N; sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B không thể làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Hoa Kỳ để đoàn tụ, nay mỗi người ở một nơi nên anh B đồng ý ly hôn với chị A; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có. Ngoài ra, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị A và anh B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 13/4/2023 và được Ủy nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn chị A và anh B chỉ chung sống với nhau trong thời gian ngắn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị A yêu cầu ly hôn, nên giải quyết cho anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; án phí sơ thẩm chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh B là người nước ngoài (quốc tịch Hoa Kỳ) và đang cư trú tại địa chỉ: USA (Hoa Kỳ), nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về sự có mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh B theo quy định của pháp luật, nhưng anh B không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên, anh B có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B. Đối với nguyên đơn chị A: Ngày 24/6/2024, chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 5 Điều 477, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký ký kết hôn ngày 13/4/2023 theo quy định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy nhân dân thị xã N, tỉnh Bạc Liêu cấp có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của chị A có căn cứ xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B chỉ chung sống với nhau trong thời gian ngắn thì anh B trở về Hoa Kỳ và không sang Việt Nam nữa. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hồ sơ bảo lãnh để đoàn tụ vợ chồng không thể thực hiện được, mỗi người ở một nơi, không thể quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm phai nhạt, nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", theo đó, giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[3.3] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn chị A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh B; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp, án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp chị A phải chịu 1.203.401đ (Một triệu hai trăm lẻ ba nghìn bốn trăm lẻ một đồng), chị A đã nộp xong, không được hoàn lại.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu số 0000035 ngày 18/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND thị xã N;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt